TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 131 / 2022/ DS-ST.

Ngày: 26 - 4- 2022.

V/v: Tranh chấp " *Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Văn Nhơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Châu Bích Phượng.**

Bà **Nguyễn Thị Mai Khanh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tấn Dũ -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 19/01/2022, về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 49B/1 ấp C, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 175/1 ấp C, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Trong năm 2019 và 2020, bà có tham gia nhiều dây hụi và mua hụi do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 10/4/2019 âl, hụi có 29 phần, bà tham

gia 02 phần, đóng được 21 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.500.000đ/phần, số tiền bà đóng được của hai phần là 63.000.000đồng.

- Dây hụi 1.000.000đ/tháng, khui ngày 19/9/2019 âl, hụi có 29 phần, bà tham gia 03 phần, đóng được 16 kỳ, mỗi kỳ đóng 800.000đ/phần, số tiền bà đóng được của ba phần là 38.400.000đồng.

- Dây hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 24/11/2019 âl, hụi có 29 phần, bà tham gia một phần rưỡi, đóng được 14 kỳ, mỗi kỳ đóng 2.250.000đ/phần, số tiền bà đóng được của dây hụi này là 31.500.000đồng (trong giấy tổng kết nợ hụi bà Bé H có chia ra làm hai phần là 21.000.000đồng và 10.500.000đồng).

- Dây hụi 3.000.000đ/tháng, khui ngày 05/8/2020 âl, hụi có 25 phần, bà tham gia 01 phần, đóng được 05 kỳ, mỗi kỳ đóng 2.100.000đ/phần, số tiền bà đóng được là 10.500.000đồng.

Ngoài ra bà còn mua hụi của bà Bé H như sau:

- Hụi 2.000.000đ, khui ngày 10/4/2019 âl, bà mua 03 phần, mỗi phần 40.600.000đ, thành tiền là 121.800.000đồng.

- Hụi 1.000.000đ, khui ngày 19/9/2019 âl, bà mua 04 phần, mỗi phần 20.440.000đ, thành tiền là 81.760.000đồng.

- Hụi 2.000.000đ, khui ngày 24/11/2019 âl, bà mua 02 phần, mỗi phần 40.600.000đ, thành tiền là 81.200.000đồng.

- Hụi 3.000.000đ, khui ngày 05/8/2020 âl, bà mua 01 phần, số tiền là 48.000.000đồng.

Các lần tham gia hụi, mua hụi bà Nguyễn Thị Bé H đều có làm giấy biên nhận. Đến tháng 12/2020 bà Nguyễn Thị Bé H tuyên bố bể hụi. Sau khi bể hụi, bà Nguyễn Thị Bé H có viết giấy nhận nợ hụi cho bà với tổng số tiền là 480.400.000đồng. Tuy nhiên, trong giấy nhận nợ đối với số tiền mua hụi bà Nguyễn Thị Bé H đã làm tròn nên có chênh lệch giữa số tiền mua hụi trong giấy nhận nợ và số tiền mua hụi trong các giấy mua hụi. Tổng số tiền hụi mà bà đã đóng và tiền mua hụi bà Nguyễn Thị Bé H nợ bà là 476.160.000đồng.

Ngoài ra trong tháng 9/2020 bà có cho bà Nguyễn Thị Bé H vay số tiền 100.000.000đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả, cụ thể:

- Ngày 05/9/2020 al bà cho bà Nguyễn Thị Bé H vay 30.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng.

- Ngày 18/9/2020 âl bà cho bà Nguyễn Thị Bé H vay 50.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng.

- Ngày 19/9/2020 âl bà cho bà Nguyễn Thị Bé H vay 20.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng.

Các lần vay tiền bà Nguyễn Thị Bé H có làm biên nhận nợ. Đối với lần vay

ngày 19/9/2020 do bà Nguyễn Thị Bé H nhờ bà vay số tiền 30.000.000đ và viết trước biên nhận cho bà, tuy nhiên bà chỉ vay được 20.000.000đồng về đưa cho bà Nguyễn Thị Bé H, sau đó bà Nguyễn Thị Bé H không sửa lại biên nhận mà nói hai bên thống nhất tiền vay 100.000.000đồng là được. Sau khi vay bà Nguyễn Thị Bé H không trả vốn và lãi như thỏa thuận.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả cho bà số tiền nợ hụi là 476.160.000đồng và tiền vay là 100.000.000đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền vay từ ngày 19/11/2020 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, yêu cầu trả một lần đối với hai khoản tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng bà Nguyễn Thị Bé H không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp ***"Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản".***

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với yêu cầu trả số tiền nợ hụi 476.160.000đồng, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả số tiền hụi mà bà đã đóng và số tiền mua hụi tổng cộng là 476.160.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L đã cung cấp cho Tòa án giấy ghi hụi, giấy mua hụi và giấy nhận nợ hụi do bà Nguyễn Thị Bé H viết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H đã được tống dạt hợp lệ các chứng cứ là giấy ghi hụi, giấy mua hụi, giấy nhận nợ nhưng bà Nguyễn Thị Bé H không phản đối hay có ý kiến gì đối với các chứng cứ mà bà L cung cấp, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ có thật, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy, tại giấy nhận nợ hụi bà Nguyễn Thị Bé H thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị L số tiền hụi đã tham gia và mua hụi là 480.400.000đồng. Số tiền theo

giấy nhận nợ và số tiền mà bà L yêu cầu có sự chênh lệch là 3.840.000đồng. Bà Nguyễn Thị L cho rằng khi bà Nguyễn Thị Bé H viết giấy nhận nợ hụi đã làm tròn số tiền của các dây hụi mua nên mới có sự chênh lệch như trên. Đối chiếu giữa giấy mua và giấy nhận nợ hụi có sự chênh lệch, cụ thể:

- Giấy mua hụi đối với dây hụi ngày 10/4/2019 số tiền mua là 121.800.000đ, tuy nhiên giấy nhận nợ hụi bà Nguyễn Thị Bé H làm tròn thành số tiền là 123.000.000đồng, chênh lệch 1.200.000đồng;

- Giấy mua hụi đối với dây hụi ngày 19/9/2019 số tiền mua là 81.760.000đồng, tuy nhiên giấy nhận nợ bà Nguyễn Thị Bé H làm tròn là 84.000.000đồng, chênh lệch là 2.240.000đồng;

- Giấy mua hụi đối với dây hụi ngày 24/11/2019 số tiền mua là 81.200.000đồng, tuy nhiên giấy nhận nợ bà Bé H làm tròn là 82.000.000đồng, chênh lệch là 800.000đồng.

Như vậy số tiền chênh lệch như bà L trình bày do trong giấy nhận nợ bà Bé H làm tròn là đúng. Mặt khác, số tiền bà L yêu cầu thấp hơn giấy nhận nợ là có lợi cho bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H có thỏa thuận và giao kết hợp đồng góp hụi, mua hụi trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Bé H đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Lỗi dẫn đến tranh chấp trong vụ án này hoàn toàn thuộc về bà Nguyễn Thị Bé H, bà Nguyễn Thị Bé H là chủ hụi, bà đã thu tiền của hụi viên tham gia, sau đó tuyên bố bể hụi. Do đó, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả cho bà số tiền hụi đã đóng và tiền mua hụi 476.100.000đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu trả số tiền vay là 100.000.000đồng và tiền lãi, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả cho bà số tiền vay vào tháng 9 năm 2019 là 100.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L cung cấp cho Tòa án các biên nhận ngày 05/9/2019 số tiền 30.000.000đồng; Biên nhận ngày 18/9/2019 số tiền 50.000.000đồng; Biên nhận ngày 19/9/2019 số tiền 30.000.000đồng. Các biên nhận trên đều do bà Nguyễn Thị Bé H viết và ký tên. Theo các biên nhận, tổng số tiền cho vay là 110.000.000đồng, tuy nhiên theo bà L thì do ngày 19/9/2019 bà Nguyễn Thị Bé H nhờ bà mượn 30.000.000đ và viết sẵn biên nhận cho bà số tiền 30.000.000đồng, nhưng bà chỉ đưa cho bà Nguyễn Thị Bé H 20.000.000đ, sau đó bà Nguyễn Thị Bé H không sửa lại biên nhận đã viết nên có sự chênh lệch giữa số tiền theo biên nhận và yêu cầu

khởi kiện. Việc bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả số tiền 100.000.000đ, thấp hơn số tiền trong các biên nhận là 110.000.000đồng là có lợi cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H.

Xét thấy, tại các biên nhận mượn tiền do bà L cung cấp có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Bé H. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ chứng cứ do nguyên đơn bà L giao nộp, tuy nhiên bà Bé H không phản đối hay có ý kiến gì đối với các chứng cứ này, do đó Hội đồng xét xử xác định các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là chứng cứ có thật, phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc bà Nguyễn Thị Bé H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị L đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị L. Do đó bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả số tiền vốn vay 100.000.000đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu tính lãi số tiền vay 100.000.000đ từ ngày 19/11/2020 cho đến ngày xét xử là 17 tháng, theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định. Xét thấy, do bà Nguyễn Thị Bé H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L yêu cầu trả tiền lãi là đúng quy định của pháp luật. Việc bà L và bà Nguyễn Thị Bé H thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng (36%/năm) là vượt quá quy định của pháp luật 20%/năm (1,66%/tháng), do đó phần vượt quá quy định sẽ không có hiệu lực. Tiền lãi được tính như sau: 100.000.000đồng x 1,66%/tháng x 17 tháng, thành tiền là 28.220.000đồng. Tổng số tiền vốn vay và lãi mà bà Nguyễn Thị Bé H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L là 128.220.000đồng.

Như vậy, số tiền hụi và tiền vay bà Nguyễn Thị Bé H co nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L là 604.320.000đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Bé H do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 18, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

1. Buộc bà Nguyễn Thị Bé H trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 604.320.000đồng (trong đó có 476.100.000đồng tiền hụi và 128.220.000đồng tiền vay), thực hiện sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Bé H chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bé H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Bé H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn